

Số: 451/BC-GDDT

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả bồi dưỡng thường xuyên**  
**Năm học 2019 – 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 2693/KH-GDDT-TC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2019 - 2020; Kế hoạch số 676/KH-GDDT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2019 – 2020; Văn bản số 1560/GDDT-TC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về nộp hồ sơ đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2019 – 2020,

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) năm học 2019 - 2020 gồm những nội dung sau đây:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Nhân sự**

Tổng số CBQL và giáo viên hiện có toàn Huyện: 1191. Trong đó:

- Bậc MN: Cán bộ quản lý: 34 người, giáo viên: 260 người.
- Bậc TiH: Cán bộ quản lý: 35 người, giáo viên: 530 người.
- Bậc THCS: Cán bộ quản lý: 19 người, giáo viên: 313 người.

**2. Thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai công tác BDTX**

**a) Thuận lợi**

- Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi giúp các trường hoàn thành tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên năm học 2019 – 2020.

- Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch chỉ đạo của các cấp về công tác bồi dưỡng thường xuyên được triển khai ngay trong năm học, thuận tiện cho các đơn vị trong việc định hướng nội dung học tập các module bồi dưỡng thường xuyên.

- Đội ngũ giáo viên có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu; có ý thức tự trao đổi, chia sẻ, thảo luận các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên, vận dụng khá tốt trong thực tiễn dạy học.

- Giáo viên trường Bồi dưỡng giáo dục thường xuyên đến các đơn vị hỗ trợ, định hướng cách ghi vở tự học, kiểm tra tiến độ thực hiện, tư vấn và nắm bắt các vấn đề liên quan đến công tác bồi dưỡng thường xuyên.

**b) Khó khăn**

- Giáo viên mới còn bỡ ngỡ, lúng túng và chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng thường xuyên; chưa chú trọng vào nội dung, ý nghĩa của các câu hỏi của từng module, dẫn đến việc trả lời còn sơ sài, chưa đúng trọng tâm và chưa vận dụng có hiệu quả vào giảng dạy, kiểm nghiệm.

- Trong thời điểm thực hiện cách ly theo chỉ đạo, việc thực hiện nội dung 3 về tổ chức vận dụng các chuyên đề không thể triển khai tổ chức theo tiến độ kế hoạch.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

### **1. Xây dựng kế hoạch BDTX năm học 2019 – 2020 và thẩm định, phê duyệt kế hoạch BDTX của các trường MN, TiH, THCS**

- Xây dựng Kế hoạch số 676/KH-GDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2019 – 2020.

- Triển khai Quyết định số 744/QĐ-GDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2019 về thành lập Ban Chỉ đạo công tác BDTX năm học 2019 – 2020 cho toàn Huyện.

- Công tác tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch BDTX năm học 2019 – 2020 của các trường MN, TiH, THCS thuộc Phòng GD&ĐT huyện Nhà Bè.

+ Các trường MN, TiH, THCS xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên trên cơ sở Kế hoạch số 676/KH-GDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2019 – 2020.

+ Tổ, khối chuyên môn các đơn vị xây dựng kế hoạch, tiến hành thẩm định bài thu hoạch bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên theo tiến độ đề ra trong năm học và Ban Chỉ đạo thẩm định lại kết quả bồi dưỡng thường xuyên của các tổ, khối chuyên môn.

### **2. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch BDTX của đơn vị**

- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng của 3 bậc học là 1163/1191 người. Trong đó:

+ Bậc MN: Cán bộ quản lý: 34/34 người, giáo viên: 260/260 người.

+ Bậc TiH: Cán bộ quản lý: 35/35 người, giáo viên: 502/530 người.

+ Bậc THCS: Cán bộ quản lý: 19/19 người, giáo viên: 313/313 người.

- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên không tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng của 3 bậc học là 28/1191 người. Trong đó:

+ Bậc MN: Cán bộ quản lý: 0/34 người, giáo viên: 0/260 người.

+ Bậc TiH: Cán bộ quản lý: 0/34 người, giáo viên: 28/530 người.

+ Bậc THCS: Cán bộ quản lý: 0/19 người, giáo viên: 0/313 người.

Lý do: Giáo viên nghỉ hậu sản.

- Tổng số module CBQL, GV chọn bồi dưỡng cho nội dung 3 là 52 module 23 nội dung cần chú trọng. Trong đó:

+ Bậc MN: 13 module và 10 nội dung cần chú trọng.

+ Bậc TiH: 29 module và 06 nội dung cần chú trọng.

+ Bậc THCS: 10 module và 07 nội dung cần chú trọng.

Tên cụ thể các module thể hiện trong bảng sau:

| Bậc học | Tên module                                                                                         | Hình thức tổ chức                              | Ghi chú |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
| Mầm non | Module 3: Đặc điểm phát triển ngôn ngữ, những mục tiêu và kết quả mong đợi ở trẻ MN về ngôn ngữ.   | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 4: Đặc điểm phát triển nhận thức, những mục tiêu và kết quả mong đợi ở trẻ MN về nhận thức. | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 7: Môi trường giáo dục cho trẻ MN.                                                          | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 12: Phương pháp tư vấn về chăm sóc, giáo dục MN cho các bậc cha mẹ có con 3 - 6 tuổi.       | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 13: Phương pháp tư vấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đồng nghiệp.                             | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 14: Phương pháp tư vấn về giáo dục MN cho các tổ chức xã hội.                               | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 19: Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực trong lĩnh vực phát triển nhận thức.              | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 24: Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực trong lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội.        | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 32: Thiết kế và sử dụng giáo án điện tử.                                                    | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 33: Đánh giá trong giáo dục MN.                                                             | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 35: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục MN.                                            | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |         |
|         | Module 37: Quản lý nhóm, lớp                                                                       | Cá nhân tự học và vận dụng vào                 |         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--|
| học MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | trong công tác.                                |  |
| Module 41: Phối hợp nhà trường với cộng đồng, các tổ chức xã hội để giáo dục trẻ MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cá nhân tự học và vận dụng vào trong công tác. |  |
| Đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.           |  |
| Hướng dẫn quản lý nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực và nhóm trẻ <i>(tối đa 7 trẻ)</i> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.           |  |
| Đạo đức của cán bộ quản lý trong giải quyết các vấn đề ở trường MN và cộng đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.           |  |
| - Rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên MN trong giai đoạn hiện nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.           |  |
| <p>- Tiếp tục củng cố chuyên đề các chuyên đề đã triển khai:</p> <p>+ Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ.</p> <p>+ Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.</p> <p>+ Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường MN.</p> <p>+ Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc trong trường MN.</p> <p>+ Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình trong trường MN.</p> <p>+ Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ MN.</p> <p>+ Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và nối mạng nội bộ quản lý kế hoạch.</p> <p>+ Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ trong trường MN.</p> <p>+ Tổ chức giờ ăn cho trẻ.</p> | Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.           |  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                              |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy trình chế biến thức ăn cho trẻ của cấp dưỡng;</li> <li>+ Thao tác vệ sinh cho trẻ nhà trẻ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                              |  |
|  | Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn.</li> </ul> |  |
|  | Đạo đức của giáo viên mầm non trong xử lý tình huống sư phạm ở trường MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn.</li> </ul> |  |
|  | Rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên MN trong giai đoạn hiện nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn.</li> </ul> |  |
|  | Xây dựng môi trường an toàn lành mạnh, thân thiện cho trẻ MN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn.</li> </ul> |  |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục củng cố chuyên đề các chuyên đề đã triển khai:</li> <li>+ Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ.</li> <li>+ Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.</li> <li>+ Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường MN.</li> <li>+ Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc trong trường MN.</li> <li>+ Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình trong trường MN.</li> <li>+ Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ MN.</li> <li>+ Thực hiện xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và nối mạng nội bộ quản lý kế hoạch.</li> <li>+ Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ trong trường MN.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn.</li> </ul> |  |

|                 |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                               |  |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức giờ ăn cho trẻ.</li> <li>+ Quy trình chế biến thức ăn cho trẻ của cấp dưỡng.</li> <li>+ Thao tác vệ sinh cho trẻ nhà trẻ.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                               |  |
| <b>Tiểu học</b> | QLTH 1: Những vấn đề cơ bản về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|                 | QLTH 2: Mô hình trường tiểu học dạy học cả ngày (FDS) theo hướng đổi mới đối với cấp TH.                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|                 | QLTH 3: Năng lực xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|                 | QLTH 5: Năng lực xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy theo yêu cầu đổi mới đối với cấp TH.                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|                 | QLTH 9: Năng lực quản lý chương trình giáo dục TH theo yêu cầu đổi mới giáo dục.                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|                 | QLTH 12: Năng lực quản lý hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> </ul>                                                     |  |

|  |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                               |  |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                                                                                                                    | <p>đưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul>                                                                                    |  |
|  | <p>QLTH 16: Năng lực quản lý dạy học phân hóa ở tiểu học theo yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.</p>                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|  | <p>QLTH 27: Năng lực phát triển hệ thống thông tin trong nhà trường theo yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.</p>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|  | <p>QLTH 19: Năng lực quản lý công tác chủ nhiệm lớp theo yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.</p>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|  | <p>QLTH 20: Năng lực quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp TH.</p>                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|  | <p>QLTH 22: Năng lực quản lý thực hiện phương pháp kỹ thuật tích cực ở trường TH.</p>                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.</li> </ul> |  |
|  | <p>QLTH 30: Năng lực tổ chức phối hợp giữa nhà trường với địa phương trong hoạt động giáo dục học sinh và phát huy vai trò của</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng.</li> </ul>                                                     |  |

|  |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | nhà trường đối với cộng đồng.                                                                                    | - Vận dụng thực tiễn vào công tác quản lý.                                                                                                                                                                                                                           |  |
|  | - Một số phương pháp dạy học tích cực ở TH.                                                                      | Một số phương pháp dạy học tích cực ở TH.                                                                                                                                                                                                                            |  |
|  | - Hình thức tự luận và trắc nghiệm trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh ở TH.                        | Hình thức Tự luận và trắc nghiệm trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh ở TH.                                                                                                                                                                              |  |
|  | - Công tác tổ chức Hoạt động trải nghiệm trong trường TH.                                                        | Công tác tổ chức Hoạt động trải nghiệm trong trường TH.                                                                                                                                                                                                              |  |
|  | TH 1: Một số vấn đề tâm lý học dạy học ở tiểu học, những giải pháp sư phạm.                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 7: Xây dựng môi trường học tập thân thiện.                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 9: Hướng dẫn, tư vấn cho học sinh TH.                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 10: Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thị, học sinh khó khăn về học và học sinh có khuyết tật về ngôn ngữ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên</li> </ul>                                                            |  |

|  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                                                         | <p>môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul>                                                                                                                                                           |  |
|  | TH 13: Kỹ năng lập kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực.        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 14: Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 15: Một số phương pháp dạy học tích cực ở TH.                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 17: Sử dụng thiết bị dạy học ở TH.                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</li> <li>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</li> </ul> |  |
|  | TH 20: Kiến thức, kỹ năng tin học cơ bản.                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</li> <li>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao</li> </ul>                                                                                                |  |

|  |                                                             |                                                                                                                                                                                                        |  |
|--|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                                                             | đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.<br>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.                                                                                                               |  |
|  | TH 22: Sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học ở TH.           | - Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.<br>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy. |  |
|  | TH 24: Đánh giá kết quả học tập ở TH.                       | - Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.<br>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy. |  |
|  | TH 32: Dạy học phân hoá ở TH.                               | - Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.<br>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy. |  |
|  | TH 34: Công tác chủ nhiệm lớp ở trường TH.                  | - Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.<br>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy. |  |
|  | TH 35: Giáo viên chủ nhiệm trong các hoạt động ở trường TH. | - Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tham gia các buổi tập huấn bồi                                                                                                                             |  |

|                                                                                                                                                                                                                          |  |                                                                                                                                                                                                                        |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                                                                                                                                          |  | <p>dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</p> <p>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</p>                                                                                 |  |
| TH 38: Nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở TH.                                                                                                                                          |  | <p>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</p> <p>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</p> <p>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</p>  |  |
| TH 40: Thực hành giáo dục kỹ năng sống trong một số môn học ở TH.                                                                                                                                                        |  | <p>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</p> <p>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</p> <p>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</p>  |  |
| TH 45: Xây dựng cộng đồng thân thiện vì học sinh.                                                                                                                                                                        |  | <p>- Cá nhân tự học, nghiên cứu tài liệu.</p> <p>- Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề và trao đổi, thảo luận trong tổ khối chuyên môn.</p> <p>- Vận dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy.</p>  |  |
| - Dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực (đối với giáo viên nhiều môn); dạy học theo hướng phát triển năng lực.                                                                                               |  | Dạy học Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực (đối với giáo viên nhiều môn); dạy học theo hướng phát triển năng lực.                                                                                               |  |
| - Thực hành thiết kế bài học Toán theo hướng dạy học tích cực hóa hoạt động của học sinh (đối với giáo viên nhiều môn); thực hiện dạy học theo hướng tích cực hóa các hoạt động của học sinh (đối với giáo viên bộ môn). |  | Thực hành thiết kế bài học Toán theo hướng dạy học tích cực hóa hoạt động của học sinh (đối với giáo viên nhiều môn); thực hiện dạy học theo hướng tích cực hóa các hoạt động của học sinh (đối với giáo viên bộ môn). |  |

|      |                                                                                                                             |                                                                                                                                               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|      | - Lập kế hoạch dạy học Lịch sử - Địa lý địa phương đối với lớp do giáo viên phụ trách.                                      | Lập kế hoạch dạy học Lịch sử - Địa lý địa phương đối với lớp do giáo viên phụ trách.                                                          |  |
| THCS | QLTrH 36: Xác định mục tiêu và thiết kế các chương trình hành động phát triển trường THCS trong giai đoạn đổi mới giáo dục. | - Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng.<br>- Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với đồng nghiệp.                                                            |  |
|      | - QLTrH 37: Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên trường THCS theo hướng phát triển năng lực.                             | - Tự tra cứu, nghiên cứu trên các trang mạng xã hội, internet và trong thực tế quản lý tại đơn vị.                                            |  |
|      | QLTrH 40: Quản lý dạy học tích hợp ở trường THCS.                                                                           | - Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng.<br>- Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với đồng nghiệp.                                                            |  |
|      | QLTrH 47: Đổi mới hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường THCS.                                                        | - Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng.<br>Tham dự các buổi hướng nghiệp, phân luồng học sinh.                                                         |  |
|      | Module 9: Hướng dẫn, tư vấn đồng nghiệp trong phát triển nghề nghiệp.                                                       | - Tổ chức cho giáo viên tự bồi dưỡng thông qua tài liệu tham khảo, giờ dạy trên lớp, các tiết hoạt động ngoài giờ, các hoạt động tập thể, ... |  |
|      | Module 13: Nhu cầu và động lực học tập của học sinh THCS trong xây dựng kế hoạch dạy học.                                   | - Tự tra cứu, nghiên cứu trên các trang mạng xã hội, internet và trong thực tế quản lý tại đơn vị.                                            |  |
|      | Module 14: Xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng tích hợp.                                                                   | - Nghiên cứu trên mạng Internet, học hỏi đồng nghiệp trong và ngoài Huyện.                                                                    |  |
|      | Module 18: Phương pháp dạy học tích cực.                                                                                    | - Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng.                                                                                                                |  |
|      | Module 35: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS.                                                                         | - Tự tra cứu, nghiên cứu trên các trang mạng xã hội, internet và trong thực tế tại đơn vị.                                                    |  |
|      | Module 36: Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.                                                                         | - Giáo viên nghiên cứu tài liệu, cập nhật thông tin, theo dõi học sinh và có những hướng khắc phục phù hợp, kịp thời.                         |  |

|                                                                                                     |                                                                                                                                    |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Những vấn đề chung về quản lý giáo dục trung học theo yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.  | - Nghiên cứu văn bản, tham gia các lớp tập huấn, học tập Nghị quyết.                                                               |  |
| Năng lực lập kế hoạch và tổ chức bộ máy nhà trường trung học trong giai đoạn đổi mới giáo dục.      | - Liên kết với các trường, cao đẳng dạy nghề tổ chức các buổi hướng nghiệp, các chuyến đi thực tế và vận động phân luồng học sinh. |  |
| Tổ chức hướng nghiệp và phân luồng học sinh theo nhu cầu của địa phương và xã hội.                  | - Nghiên cứu trên các trang mạng xã hội, internet.                                                                                 |  |
| Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.                                      | - Tự nghiên cứu, bồi dưỡng, vận dụng các văn bản hướng dẫn để đánh giá theo năng lực.                                              |  |
| Thực hành, ứng dụng một số về phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.                             | - Xây dựng tiết dạy tham khảo, trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm.                                                                   |  |
| Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống trong trường học.                                               | - Tổ chức các tiết dạy về kỹ năng sống và trải nghiệm thực tế cho học sinh.                                                        |  |
| Đánh giá và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên trường học theo định hướng phát triển năng lực. | - Kết hợp giữa lý thuyết và tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn.                                                                 |  |

### 3. Kết quả đánh giá BDTX của CBQL và giáo viên

- Tổng số CBQL, giáo viên hoàn thành BDTX năm học 2019 – 2020 của 3 bậc học: 1163/1191 người, đạt tỷ lệ 97,6%.

- Tổng số CBQL, giáo viên không hoàn thành BDTX năm học 2019 – 2020 của 3 bậc học: 28/1191 người, đạt tỷ lệ 2,4%.

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL, giáo viên năm học 2019 – 2020 theo từng bậc học như sau:

#### a) Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc Mầm non

Kết quả xếp loại BDTX của giáo viên năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số giáo viên: 260 người

- Loại giỏi (G): 129/260 người, đạt tỷ lệ 49,6%.
- Loại khá (K): 129/260 người, đạt tỷ lệ 49,6%.
- Loại trung bình (TB): 02/260 người, đạt tỷ lệ 0,8%.

- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): 260/260 người, đạt tỷ lệ 100%.
- Không hoàn thành: 0/260 người, đạt tỷ lệ 100%.

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số: 34 người

- Loại giỏi (G): 31/34 người, đạt tỷ lệ 91,2%.
- Loại khá (K): 03/34 người, đạt tỷ lệ 8,8%
- Loại trung bình (TB): 0/34 người, đạt tỷ lệ 0%.
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): 34/34 người, đạt tỷ lệ 100%.
- Không hoàn thành: 0/34 người, đạt tỷ lệ 0%.

#### **b) Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc Tiểu học**

Kết quả xếp loại BDTX của giáo viên năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số giáo viên: 530 người

- Loại giỏi (G): 180/530 người, đạt tỷ lệ 34,0%.
- Loại khá (K): 291/530 người, đạt tỷ lệ 54,9%.
- Loại trung bình (TB): 31/530 người, đạt tỷ lệ 5,8%.
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): 502/530 người, đạt tỷ lệ 94,7%.
- Không hoàn thành: 28/530 người, đạt tỷ lệ 5,3%.

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số CBQL: 35 người

- Đạt yêu cầu: 35/35 người, đạt tỷ lệ: 100%
- Không đạt yêu cầu: 0/35 người, đạt tỷ lệ: 0%

#### **c) Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc THCS**

Kết quả xếp loại BDTX của giáo viên năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số giáo viên: 313 người

- Loại giỏi (G): 99/313 người, đạt tỷ lệ 31,6%.
- Loại khá (K): 212/313 người, đạt tỷ lệ 67,7%.
- Loại trung bình (TB): 02/313 người, đạt tỷ lệ 0,6%.
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): 313/313 người, đạt tỷ lệ 100%.
- Không hoàn thành: 0/313 người, đạt tỷ lệ 0%.

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL năm học 2019 – 2020 như sau:

Tổng số CBQL: 19 người

- Đạt yêu cầu: 19/19 người, đạt tỷ lệ: 100%
- Không đạt yêu cầu: 0/19 người, đạt tỷ lệ: 0%

#### **d) Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên 3 bậc học**

Kết quả xếp loại BDTX của giáo viên năm học 2019 - 2020 như sau:

Tổng số giáo viên: 1103 người

- Loại giỏi (G): 408/1103 người, đạt tỷ lệ 37,0%.
- Loại khá (K): 632/1103 người, đạt tỷ lệ 57,3%.
- Loại trung bình (TB): 35/1103 người, đạt tỷ lệ 3,2%.
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): 1075/1103 người, đạt tỷ lệ 97,5%.
- Không hoàn thành: 28/1103 người, đạt tỷ lệ 2,5%.

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL năm học 2019 - 2020 như sau:

Tổng số CBQL: 88 người.

- Đạt yêu cầu: 88/88 người, đạt tỷ lệ: 100%
- Không đạt yêu cầu: 0/88 người, đạt tỷ lệ: 0%

### **III. NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Mặt mạnh**

- Các trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho năm học và tiến độ thực hiện cụ thể cho từng module. Các tổ bộ môn, hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân theo kế hoạch chung của trường.

- Phương pháp giáo dục STEM được Ban Giám hiệu các trường quan tâm, tạo mọi điều kiện để đội ngũ tiếp cận, tổ chức tập huấn và bước đầu vận dụng có hiệu quả ở một số bộ môn.

- Thông qua việc bồi dưỡng thường xuyên, năng lực quản lý và nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên có những chuyển biến về chiều sâu, kinh nghiệm tích lũy qua bồi dưỡng được vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- Giáo viên sắp xếp thời gian tự nghiên cứu, hệ thống hóa kiến thức, tóm tắt những định hướng vào sổ tay bồi dưỡng thường xuyên từ đó vận dụng kết quả học tập vào thực tế giảng dạy và hoàn thành bài thu hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo hạn định.

#### **2. Mặt hạn chế**

- Bên cạnh đa số giáo viên có tinh thần trách nhiệm, cố gắng cập nhật kiến thức mới, mạnh dạn cải tiến phương pháp từ lý thuyết đến thực hành thì vẫn còn một vài cá nhân chưa đầu tư trong từng nội dung module bồi dưỡng, việc vận dụng vào thực tế giảng dạy còn chung chung, chưa thể hiện rõ đặc thù của từng môn học.

- Quỹ thời gian dành cho thảo luận các module trong sinh hoạt chuyên môn tổ nhóm còn quá ít, chưa tập trung vào nội dung bồi dưỡng thường xuyên theo định kỳ.

#### **3. Biện pháp khắc phục**

- Từng đơn vị tiếp tục theo sát việc tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên theo tiến độ, nhất là số giáo viên mới tuyển dụng. Đảm bảo về nội dung và vận dụng các nội dung bồi dưỡng thường xuyên vào thực tế giảng dạy nhằm giúp đội ngũ nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm.

- Tăng cường vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong công tác kiểm tra, giám sát thực hiện đầy đủ nội dung học tập bồi dưỡng thường xuyên. Chú trọng về nội dung, ghi nhận và đánh giá cụ thể khi tiến hành thẩm định theo định kỳ.

- Các thành viên trường Bồi dưỡng giáo dục duy trì giám sát việc thực hiện để có hướng hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời tại các đơn vị.

#### IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Không./.

##### Nơi nhận:

- Phòng TCCB Sở GD&ĐT;
- Các trường MN, TH, THCS, BDGD;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Lê Thị Oanh**

Tên cơ quan, đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ  
Số ĐT liên lạc: 028.37770473

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN (BẠC MẦM NON)**  
**NĂM HỌC: 2019 - 2020**

| Stt       | Bậc học | Tổng số CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |    |        |    |        |    |         |    |                  |    | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |        |      |        |      |         |     |                  |    |  | Ghi chú |
|-----------|---------|------------------|--------------------------------|----|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|-------------------------------------|--------|------|--------|------|---------|-----|------------------|----|--|---------|
|           |         |                  | Tổng số CBQL                   |    | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    | Tổng số Giáo viên                   | Loại G |      | Loại K |      | Loại TB |     | Không hoàn thành |    |  |         |
|           |         |                  |                                |    | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |                                     | TS     | TL   | TS     | TL   | TS      | TL  | TS               | TL |  |         |
| 1         | MN      | 294              | 34                             | 31 | 91,2   | 3  | 8,8    |    |         |    |                  |    |                                     | 260    | 129  | 49,6   | 129  | 49,6    | 2   | 0,8              |    |  |         |
| Tổng cộng |         | 294              | 34                             | 31 | 91,2   | 3  | 8,8    |    |         |    |                  |    | 260                                 | 129    | 49,6 | 129    | 49,6 | 2       | 0,8 |                  |    |  |         |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tấn Phát

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

  
Lê Thị Oanh



Tên cơ quan, đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ  
Số ĐT liên lạc: 028.37770473

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN (BẬC TIỂU HỌC VÀ THCS)  
NĂM HỌC: 2019 - 2020**

| Stt       | Bậc học | Tổng số<br>CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |             |     |                   |    | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |        |      |        |      |         |     |                  |     |  | Ghi chú |
|-----------|---------|---------------------|--------------------------------|-------------|-----|-------------------|----|-------------------------------------|--------|------|--------|------|---------|-----|------------------|-----|--|---------|
|           |         |                     | Tổng số<br>CBQL                | Đạt yêu cầu |     | Không đạt yêu cầu |    | Tổng số<br>Giáo viên                | Loại G |      | Loại K |      | Loại TB |     | Không hoàn thành |     |  |         |
|           |         |                     |                                | TS          | TL  | TS                | TL |                                     | TS     | TL   | TS     | TL   | TS      | TL  | TS               | TL  |  |         |
| 1         | TiH     | 565                 | 35                             | 35          | 100 |                   |    | 530                                 | 180    | 34,0 | 291    | 54,9 | 31      | 5,8 | 28               | TL  |  |         |
| 2         | THCS    | 332                 | 19                             | 19          | 100 |                   |    | 313                                 | 99     | 31,6 | 212    | 67,7 | 2       | 0,6 |                  | 5,3 |  |         |
| Tổng cộng |         | 897                 | 54                             | 54          | 100 |                   |    | 843                                 | 279    | 33,1 | 503    | 59,7 | 33      | 3,9 | 28               | 3,3 |  |         |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tấn Phát

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Thị Oanh



Tên cơ quan, đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ  
Số ĐT liên lạc: 028.37770473

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC MẦM NON  
NĂM HỌC: 2019 - 2020**

| Stt       | Tên trường      | Tổng số<br>CBQL,<br>GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |        |      |        |      |         |    |                  |    |                      | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |    |        |     |         |     |                  |    |     |  | Ghi chú |
|-----------|-----------------|------------------------|--------------------------------|--------|------|--------|------|---------|----|------------------|----|----------------------|-------------------------------------|----|--------|-----|---------|-----|------------------|----|-----|--|---------|
|           |                 |                        | Tổng số<br>CBQL                | Loại G |      | Loại K |      | Loại TB |    | Không hoàn thành |    | Tổng số<br>Giáo viên | Loại G                              |    | Loại K |     | Loại TB |     | Không hoàn thành |    |     |  |         |
|           |                 |                        |                                | TS     | TL   | TS     | TL   | TS      | TL | TS               | TL |                      | TS                                  | TL | TS     | TL  | TS      | TL  | TS               | TL |     |  |         |
| 1         | Thị Trấn Nhà Bè | 15                     | 2                              | 2      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 13     | 6   | 46,2    | 7   | 53,8             |    |     |  |         |
| 2         | Sơn Ca          | 21                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 18     | 13  | 72,2    | 4   | 22,2             | 1  | 5,6 |  |         |
| 3         | Tuổi Ngọc       | 23                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 20     | 12  | 60,0    | 8   | 40,0             |    |     |  |         |
| 4         | Mạ Non          | 23                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 20     | 14  | 70,0    | 6   | 30,0             |    |     |  |         |
| 5         | Hoa Lan         | 12                     | 2                              | 1      | 50,0 | 1      | 50   |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 10     | 3   | 30,0    | 7   | 70,0             |    |     |  |         |
| 6         | Đồng Xanh       | 34                     | 2                              | 2      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 32     | 25  | 78,1    | 7   | 21,9             |    |     |  |         |
| 7         | Sao Mai         | 18                     | 2                              | 2      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 16     | 15  | 93,8    | 1   | 6,2              |    |     |  |         |
| 8         | Tuổi Hoa        | 32                     | 3                              | 1      | 33,3 | 2      | 66,7 |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 29     | 7   | 24,1    | 22  | 75,9             |    |     |  |         |
| 9         | Hướng Dương     | 39                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 36     | 13  | 36,1    | 23  | 63,9             |    |     |  |         |
| 10        | Họa Mĩ          | 25                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 22     | 3   | 13,6    | 19  | 86,4             |    |     |  |         |
| 11        | Vàng Anh        | 25                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 22     | 11  | 50,0    | 11  | 50,0             |    |     |  |         |
| 12        | Vành Khuyên     | 20                     | 3                              | 3      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 17     | 3   | 17,6    | 13  | 76,5             | 1  | 5,9 |  |         |
| 13        | Hoa Sen         | 7                      | 2                              | 2      | 100  |        |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 5      | 4   | 80,0    | 1   | 20,0             |    |     |  |         |
| Tổng cộng |                 | 294                    | 34                             | 31     | 88,2 | 3      |      |         |    |                  |    |                      |                                     |    | 260    | 129 | 49,6    | 129 | 49,6             | 2  | 0,8 |  |         |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tấn Phát

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

  
Lê Thị Oanh



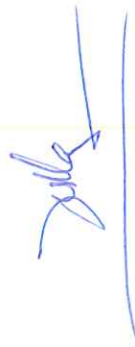
Tên cơ quan, đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ  
Số ĐT liên lạc: 028.37770473

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC: 2019 - 2020

| Stt       | Tên trường        | Tổng số<br>CBQL,<br>GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |             |     |                   |    |                      | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |      |        |      |         |     |                  |    |  |  | Ghi chú |
|-----------|-------------------|------------------------|--------------------------------|-------------|-----|-------------------|----|----------------------|-------------------------------------|------|--------|------|---------|-----|------------------|----|--|--|---------|
|           |                   |                        | Tổng số<br>CBQL                | Đạt yêu cầu |     | Không đạt yêu cầu |    | Tổng số<br>Giáo viên | Loại G                              |      | Loại K |      | Loại TB |     | Không hoàn thành |    |  |  |         |
|           |                   |                        |                                | TS          | TL  | TS                | TL |                      | TS                                  | TL   | TS     | TL   | TS      | TL  | TS               | TL |  |  |         |
| 1         | Nguyễn Bình Khiêm | 74                     | 3                              | 3           | 100 |                   |    | 71                   | 42                                  | 59,2 | 29     | 40,8 |         |     |                  |    |  |  |         |
| 2         | Lê Văn Hưu        | 59                     | 3                              | 3           | 100 |                   |    | 56                   | 26                                  | 46,4 | 30     | 53,6 |         |     |                  |    |  |  |         |
| 3         | Hai Bà Trưng      | 55                     | 3                              | 3           | 100 |                   |    | 52                   | 14                                  | 26,9 | 36     | 69,2 | 2       | 3,8 |                  |    |  |  |         |
| 4         | Nguyễn Văn Quý    | 30                     | 2                              | 2           | 100 |                   |    | 28                   |                                     |      | 28     | 100  |         |     |                  |    |  |  |         |
| 5         | Hiệp Phước        | 41                     | 2                              | 2           | 100 |                   |    | 39                   |                                     |      | 39     | 100  |         |     |                  |    |  |  |         |
| 6         | Phước Lộc         | 20                     | 2                              | 2           | 100 |                   |    | 18                   |                                     |      | 18     | 100  |         |     |                  |    |  |  |         |
| 7         | Lê Thành Công     | 30                     | 2                              | 2           | 100 |                   |    | 28                   | 10                                  | 35,7 | 18     | 64,3 |         |     |                  |    |  |  |         |
| 8         | Nguyễn Thị Hương  | 23                     | 2                              | 2           | 100 |                   |    | 21                   | 7                                   | 33,3 | 14     | 66,7 |         |     |                  |    |  |  |         |
| Tổng cộng |                   | 332                    | 19                             | 19          | 100 |                   |    | 313                  | 99                                  | 31,6 | 212    | 67,8 | 2       | 0,6 |                  |    |  |  |         |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tấn Phát

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

  
Lê Thị Oanh



Tên cơ quan, đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ  
Số ĐT liên lạc: 028.37770473

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC TIỂU HỌC NĂM HỌC: 2019 - 2020

| Stt       | Tên trường        | Tổng số<br>CBQL,<br>GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |             |     |                   |    |                      | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |      |        |      |         |      |                  |      |  |  | Ghi chú |
|-----------|-------------------|------------------------|--------------------------------|-------------|-----|-------------------|----|----------------------|-------------------------------------|------|--------|------|---------|------|------------------|------|--|--|---------|
|           |                   |                        | Tổng số<br>CBQL                | Đạt yêu cầu |     | Không đạt yêu cầu |    | Tổng số<br>Giáo viên | Loại G                              |      | Loại K |      | Loại TB |      | Không hoàn thành |      |  |  |         |
|           |                   |                        |                                | TS          | TL  | TS                | TL |                      | TS                                  | TL   | TS     | TL   | TS      | TL   |                  |      |  |  |         |
|           |                   |                        |                                |             |     |                   |    |                      |                                     |      |        |      |         |      |                  |      |  |  |         |
| 1         | Trần Thị Ngọc Hân | 51                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 48                   | 4                                   | 8,3  | 25     | 52,1 | 18      | 37,5 | 1                | 2,1  |  |  |         |
| 2         | Lâm Văn Bền       | 52                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 49                   |                                     |      | 48     | 98,0 |         |      |                  |      |  |  |         |
| 3         | Nguyễn Trục       | 51                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 48                   | 23                                  | 47,9 | 18     | 37,5 | 1       | 2,1  | 1                | 2,0  |  |  |         |
| 4         | Nguyễn Bình       | 31                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 29                   | 22                                  | 75,9 | 5      | 17,2 |         |      | 6                | 12,5 |  |  |         |
| 5         | Trang Tấn Khương  | 52                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 49                   | 34                                  | 69,4 | 15     | 30,6 |         |      | 2                | 6,9  |  |  |         |
| 6         | Dương Văn Lịch    | 47                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 44                   | 30                                  | 68,2 | 12     | 27,3 |         |      |                  |      |  |  |         |
| 7         | Nguyễn Văn Tạo    | 35                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 33                   | 22                                  | 66,7 | 11     | 33,3 |         |      | 2                | 4,5  |  |  |         |
| 8         | Lê Lợi            | 34                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 32                   | 10                                  | 31,3 | 21     | 65,6 |         |      | 1                | 3,1  |  |  |         |
| 9         | Lê Văn Lương      | 40                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 37                   | 6                                   | 16,2 | 26     | 70,3 |         |      | 5                | 13,5 |  |  |         |
| 10        | Tạ Uyên           | 47                     | 3                              | 3           | 3   |                   |    | 44                   | 19                                  | 43,2 | 24     | 54,5 | 1       | 2,3  |                  |      |  |  |         |
| 11        | Lê Quang Định     | 36                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 34                   |                                     |      | 30     | 88,2 |         |      | 4                | 11,8 |  |  |         |
| 12        | Bùi Văn Ba        | 31                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 29                   |                                     |      | 19     | 65,5 | 7       | 24,2 | 3                | 10,3 |  |  |         |
| 13        | Bùi Thanh Khiết   | 32                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 30                   | 10                                  | 33,3 | 17     | 56,7 |         |      | 3                | 10   |  |  |         |
| 14        | Nguyễn Việt Hồng  | 26                     | 2                              | 2           | 2   |                   |    | 24                   |                                     |      | 20     | 83,3 | 4       | 16,7 |                  |      |  |  |         |
| Tổng cộng |                   | 565                    | 35                             | 35          | 100 |                   |    | 530                  | 180                                 | 34,0 | 291    | 54,9 | 31      | 5,8  | 28               | 5,2  |  |  |         |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tấn Phát

Nhà Bè, ngày 10 tháng 6 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

  
Lê Thị Oanh

